TRUNG TÂM KĐCLGD-TRƯỜNG ĐH VINH
HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 317/NQ-HĐKĐCLV

*Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2026*

# NGHỊ QUYẾT
## Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thành Đông

## HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 627/QĐ-KĐCLV ngày 09/3/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;*

*Căn cứ Quyết định số 89/QĐ-KĐCLV ngày 27/12/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh về việc thành lập Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh;*

*Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Thành Đông, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài;*

*Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp XXIV ngày 04/4/2026 của Hội đồng.*

## QUYẾT NGHỊ:

1. Đoàn đánh giá ngoài thực hiện khảo sát chính thức từ ngày 06 tháng 01 đến ngày 11 tháng 01 năm 2026 và đã tiến hành đánh giá độc lập, khách quan, trung thực, công khai, minh bạch đúng quy trình, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thành Đông; Điểm trung bình từng lĩnh vực như sau: Đảm bảo chất lượng về chiến lược đạt mức 3,93; Đảm bảo chất lượng về hệ thống đạt mức 3,79; Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng đạt mức 3,95; Kết quả hoạt động đạt mức 3,79. Không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới mức 2,0 (chi tiết trong Phụ lục I).

3. Kiến nghị Trường Đại học Thành Đông tham khảo 25 nhóm khuyến nghị của Hội đồng (chi tiết trong Phụ lục II) và xây dựng kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục của Nhà trường.

4. Căn cứ Điều 46 Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng

giáo dục-Trường Đại học Vinh cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Thành Đông theo quy định hiện hành.

5. Chu kì kiểm định chất lượng giáo dục tiếp theo của Trường Đại học Thành Đông được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục./.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD**
**CHỦ TỊCH**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRUNG TÂM KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

**Phạm Lê Cường**

# Phụ lục I

## KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

*(Kèm theo Nghị quyết số 317/NQ-HĐKĐCLV ngày 06 /4/2026 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD-Trường Đại học Vinh)*

| Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn | Mức đánh giá trung bình |
|---|---|
| **Lĩnh vực 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược** | **3.93** |
| Tiêu chuẩn 1: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 2: Quản trị | 3.75 |
| Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lí | 3.75 |
| Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 6: Quản lí nguồn nhân lực | 3.86 |
| Tiêu chuẩn 7: Quản lí tài chính và cơ sở vật chất | 3.80 |
| Tiêu chuẩn 8: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại | 4.25 |
| **Lĩnh vực 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống** | **3.79** |
| Tiêu chuẩn 9: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong | 3.67 |
| Tiêu chuẩn 10: Tự đánh giá và đánh giá ngoài | 3.75 |
| Tiêu chuẩn 11: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong | 3.75 |
| Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng | 4.00 |
| **Lĩnh vực 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng** | **3.95** |
| Tiêu chuẩn 13: Tuyển sinh và nhập học | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát chương trình dạy học | 3.80 |
| Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 16: Đánh giá người học | 3.75 |
| Tiêu chuẩn 17: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 18: Quản lí nghiên cứu khoa học | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 19: Quản lí tài sản trí tuệ | 3.75 |
| Tiêu chuẩn 20: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 21: Kết nối và phục vụ cộng đồng | 4.25 |
| **Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động** | **3.79** |
| Tiêu chuẩn 22: Kết quả đào tạo | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 23: Kết quả nghiên cứu khoa học | 3.67 |
| Tiêu chuẩn 24: Kết quả phục vụ cộng đồng | 4.00 |
| Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường | 3.50 |

## Phụ lục II

## CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH ĐÔNG

*(Kèm theo Nghị quyết số 241 /NQ-HĐKĐCLV ngày 16/4/2026 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD-Trường Đại học Vinh)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Thành Đông giai đoạn 2020 - 2025 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh đáng ghi nhận sau:

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chiến lược

Nhà trường có chiến lược phát triển dài hạn, có tuyên bố chính thức về Tầm nhìn, Sứ mạng và giá trị cốt lõi trong chiến lược phát triển của Trường qua các giai đoạn, được định kì rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan, và điều chỉnh phù hợp với định hướng chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của thành phố và của cả nước. Hệ thống quản trị, quản lí được thiết lập theo các quy định, ban hành quy định rõ ràng về chức năng nhiệm vụ. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và đối ngoại được ban hành, thực hiện, rà soát và đổi mới phù hợp với tình hình thực tế. Trường có kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và theo từng năm học. Công tác quản lí tài chính được thực hiện theo quy định tài chính của Nhà nước. Thực hiện đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất được xác định rõ ràng trong chiến lược phát triển của Trường.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống

Trường đại học Thành Đông đã thiết lập hệ thống và mạng lưới bảo đảm chất lượng bên trong với đầy đủ sự tham gia của tất cả đơn vị trong Nhà trường; ban hành hệ thống văn bản quy định, quy trình cơ bản về bảo đảm chất lượng theo giai đoạn và hằng năm. Tiến hành tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục chu kì 2 (giai đoạn 2020 - 2025) và 07 chương trình đào tạo (2023, 2025), đã xác định và phân tích các điểm mạnh, tồn tại đối với các lĩnh vực hoạt động và thực hiện các biện pháp phát huy điểm mạnh và điều chỉnh, khắc phục các điểm tồn tại so với các yêu cầu của Nghị quyết Hội đồng ở chu kì 1. Hiện tại, hệ thống và kế hoạch quản lí thông tin bảo đảm chất lượng bên trong được thiết lập, gồm thu thập, xử lí, báo cáo, tiếp nhận, phổ biến đến các bên liên quan, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn bằng các công cụ cập nhật.

+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng

Nhà trường đã xây dựng chính sách, kế hoạch và triển khai các hoạt động tuyển sinh phù hợp với quy định, hình thức tuyển sinh đa dạng và phù hợp với từng trình độ đào tạo. Hệ thống các văn bản quy định/hướng dẫn về công tác xây dựng mới, rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo của các bậc học và có nguồn lực triển khai thực hiện. Hoạt động dạy và học của các chương trình đào tạo tương đối đa dạng, trong đó hoạt động thực hành, thực tế được tăng cường, một số phương pháp dạy học tiên tiến, giúp

người học chủ động, tích cực trong quá trình học tập để rèn luyện, phát triển các kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp. Hình thức thi, kiểm tra đánh giá được rà soát, đánh giá và cải tiến sau mỗi lần điều chỉnh. Các chính sách về thúc đẩy nghiên cứu khoa học được rà soát, cải tiến theo xu hướng thúc đẩy hoạt động nghiên cứu của cán bộ, giảng viên và người học. Có chính sách hỗ trợ/thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

+ Lĩnh vực Kết quả hoạt động

Nhà trường đã xây dựng và thực hiện quy trình xác lập, giám sát tỉ lệ người học tốt nghiệp, thôi học, phân tích nguyên nhân và có giải pháp tích cực để tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ thôi học. Thực hiện đối sánh nội bộ về loại hình và khối lượng, tác động xã hội (bao gồm tác động đến cán bộ, giảng viên, sinh viên) của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội (chi hơn 10 tỉ trong chukì). Nhà trường đã có chính sách thúc đẩy, hỗ trợ và tăng giờ chuẩn đối với các công bố quốc tế nên số lượng bài báo quốc tế tăng vượt trội trong giai đoạn 2021-2025 (năm 2025: 141 bài WoS/Scopus và 317 bài trong nước); chênh lệch thu chi tăng mạnh qua các năm từ 0.561 tỉ (năm 2020) đến 66 tỉ (năm 2025); kết quả đối sánh cho thấy các chỉ số thu, chi của Trường tăng liên tục trong giai đoạn đánh giá; tổng thu 5 năm tăng gần 5 lần, tổng chi tăng gần 4 lần và đã chuyển từ mất cân đối sang cân đối thu – chi dương.

Tuy nhiên, để tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng hơn nữa, Hội đồng kiến nghị Nhà trường quan tâm các lĩnh vực theo 25 nhóm giải pháp đề xuất sau đây:

*+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về chiến lược*

(1) Đối với sứ mạng: Bổ sung nội dung về phát triển năng lực số, tư duy đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và hội nhập quốc tế; làm rõ định hướng đào tạo ứng dụng, gắn với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0.

Đối với tầm nhìn: Cụ thể hóa mục tiêu "chất lượng cao" và "uy tín" bằng các chuẩn mực rõ ràng như kiểm định chất lượng, chuẩn đầu ra, năng lực nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế; giảm bớt tính hình thức của mục tiêu xếp hạng, tăng nhấn mạnh tác động xã hội và đóng góp cho phát triển bền vững.

Đối với giá trị cốt lõi: Mở rộng và diễn giải rõ hơn các giá trị theo hướng bổ sung "đổi mới sáng tạo", "hợp tác", "chất lượng" và "liêm chính học thuật", bảo đảm định hướng hành vi và văn hóa tổ chức trong môi trường hội nhập.

Đối với triết lý giáo dục: Cần phát triển thành một tuyên ngôn mang tính định hướng rõ ràng, gắn chủ động học tập với học đi đôi với hành, đổi mới sáng tạo, năng lực thích ứng và trách nhiệm xã hội, phù hợp yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực trong thời đại số.

(2) Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và đào tạo bồi dưỡng năng lực lãnh đạo cho đội ngũ cán bộ quản lý thuộc hệ thống quản trị. Thành lập các Hội đồng tư vấn

chính sách, chiến lược cho Hội đồng trường. Rà soát, bổ sung nội dung nhận dạng, đánh giá và giải pháp giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình phát triển vào các văn bản Quy chế tổ chức và hoạt động, Chiến lược phát triển cũng như công tác rà soát, đánh giá hợp tác quốc tế. Bổ sung cơ chế ra quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền, nghĩa vụ giải trình và chịu trách nhiệm của Hội đồng trường. Định kì rà soát đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các văn bản do cơ quan quản trị ban hành để điều chỉnh hoặc ban hành bổ sung. Đổi mới công tác quản trị, cải tiến nội dung tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cơ quan quản trị.

(3) Cập nhật và ban hành lại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường; Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường và một số văn bản quản lý khác. Nâng cao năng lực quản lý, xây dựng văn bản quản lý và vai trò tham mưu của lãnh đạo cấp trung. Thực hiện tốt hơn công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo cấp trung thuộc diện được quy hoạch và kịp thời bổ nhiệm các chức danh quản lý; quy định rõ hơn thẩm quyền ban hành các văn bản, ký và đóng dấu Trường của cán bộ quản lý các cấp, trách nhiệm thông tin báo cáo giải trình của cán bộ quản lý cấp trung; quan tâm hơn đến điều kiện, năng lực số hoá quy trình/dữ liệu trong công tác quản lý.

(4) Ban hành quy trình/hướng dẫn xây dựng kế hoạch chiến lược theo từng lĩnh vực và nêu rõ chỉ tiêu phấn đấu về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; mở rộng phạm vi đối tượng lấy ý kiến về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng của nhà trường để kịp thời điều chỉnh chiến lược phát triển Trường cho phù hợp với tình hình thực tế; Cần xác định cụ  thể các chỉ tiêu theo từng năm làm căn cứ phân bổ nguồn lực để các đơn vị chủ động triển khai thực hiện; Nhà trường cần có giám sát, đánh giá, rà soát về thực hiện kế hoạch chiến lược, kế hoạch dài hạn, ngắn hạn và xây dựng quy trình về theo dõi thực hiện kế hoạch.

(5) Xây dựng kế hoạch tập huấn địnhkì hằng năm về kỹ năng xây dựng và rà soát chính sách; Mở rộng đối tượng tham gia khảo sát ý kiến về chính sách; Xác định bộ KPIs về hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất phù hợp với từng loại hình đào tạo và nghiên cứu khoa học và đưa vào báo cáo đánh giá hằng năm.

(6) Thực hiện đúng quy định công tác tổng kết, báo cáo kết quả, rà soát, điều chỉnh bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cao để đảm bảo mở mới và duy trì ngành theo Thông tư số 12/2024/TT-BGDDT ngày 10/10/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ, giảng viên và nhân viên. Đặc biệt đội ngũ giảng viên trình độ thạc sỹ (còn chiếm 50,53 %).

(7) Các đơn vị liên quan đến công tác cơ sở vật chất cần có các kế hoạch hành động cụ thể, cần có hệ thống theo dõi cơ sở dữ liệu về hoạt động của đơn vị và có các báo cáo đánh giá hiệu quả sử dụng hằng năm. Nâng cấp và cải tạo các hạng mục cơ sở

hạ tầng tại các cơ sở, cần có những giải pháp tăng cường nguồn học liệu tại thư viện. Đầu tư có hiệu quả cho hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thiết yếu cho các hoạt động của trường.

(8) Xây dựng kế hoạch tổng thể và dài hạn để phát triển các đối tác, các mạng lưới và các quan hệ đối ngoại đáp ứng các yêu cầu mới đang đặt ra liên quan đến đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số đảm bảo xây dựng được mối quan hệ đa phương, nhiều chiều với các môi trường trong nước và môi trường quốc tế của Trường. Xây dựng và ban hành KPI để rà soát các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại một cách cụ thể hơn.

*+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về hệ thống*

(9) Rà soát, bổ sung và cụ thể hóa quy định về vai trò, trách nhiệm, quy trình phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống đảm bảo chất lượng nhằm bảo đảm rõ ràng, thống nhất và hiệu quả triển khai. Rà soát tầm nhìn, mục tiêu và chỉ tiêu chiến lược đảm bảo chất lượng theo hướng khả thi, phù hợp với nguồn lực hiện có; rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu phấn đấu chính trong chiến lược đảm bảo chất lượng giai đoạn 2025 - 2030 theo hướng phù hợp với năng lực và nguồn lực của Nhà trường. Đầu tư hoàn thiện hệ thống lưu trữ thống nhất, ứng dụng công nghệ thông tin để quản lí, chia sẻ và khai thác dữ liệu đảm bảo chất lượng. Thiết lập cơ chế rà soát, điều chỉnh và cải tiến kịp thời quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính, gắn với theo dõi định kì và đánh giá giữa kì để nâng cao hiệu quả thực hiện.

(10) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn nâng cao năng lực về đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục cho cán bộ, giảng viên và nhân viên. Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động khắc phục tồn tại, cải tiến chất lượng tổng thể ngay sau khi kết thúc quá trình tự đánh giá, đánh giá ngoài; đề ra các giải pháp phù hợp, hiệu quả, bổ sung nguồn lực và có quy định mốc thời gian thực hiện rõ ràng. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng giáo dục để xử lí, lưu trữ, trích xuất, tổng hợp dữ liệu phục vụ công tác tự đánh giá, đánh giá ngoài một cách bài bản, có hệ thống.

(11) Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin đồng bộ, hệ thống LMS trong hoạt động tổ chức và quản lý đào tạo nhằm hỗ trợ thông suốt hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, có các chức năng phân tích, thống kê dữ liệu làm cơ sở cho cải tiến, nâng cao chất lượng. Hệ thống sao lưu và lưu trữ dữ liệu cần được thực hiện bài bản theo quy trình bảo mật và lưu trữ thông tin. Tổ chức đánh giá tính hiệu quả các chính sách, kế hoạch, nguồn lực đầu tư và kết quả đạt được của hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng bên trong một cách thường xuyên; định kì đánh giá hiệu quả các phần mềm quản lí thông tin các mảng hoạt động của Trường, các quy định, quy trình về quản lý nhân sự, đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác sinh viên,.. thường xuyên, đầy đủ hơn;

cải tiến các phương thức và công cụ khảo sát ý kiến các bên liên quan.

(12) Xây dựng chiến lược, kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng trong lĩnh vực phục vụ cộng đồng; cụ thể hóa các kế hoạch nâng cao chất lượng, giải pháp thực hiện được nêu trong các kế hoạch theo giai đoạn và hằng năm; cần thực hiện đánh giá hiệu quả các mục tiêu của giai đoạn trước để làm căn cứ lập kế hoạch nâng cao chất lượng ở giai đoạn sau. Cải tiến hiệu quả hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan và sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến. Địnhkì thường xuyên thu thập ý kiến rộng rãi chuyên sâu của các đơn vị trong trường cũng như bên ngoài trường trong việc thực hiện đối sánh cũng như ý kiến của các chuyên gia để cải tiến hiệu quả quy trình hỗ trợ quá trình liên tục cải tiến, quán triệt đến từng cá nhân đơn vị để phát triển văn hóa đối sánh, văn hóa chất lượng; xây dựng lộ trình đối sánh, so chuẩn với các trường đại học có vị thứ xếp hạng cao của quốc gia, khu vực.

*+ Lĩnh vực Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng*

(13) Sử dụng tối đa kết quả đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học để làm căn cứ điều chỉnh chiến lược/chính sách/kế hoạch tuyển sinh nhập học; tổ chức khảo sát đa dạng các bên liên quan, đặc biệt là ý kiến nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và tham vấn ý kiến chuyên gia để có căn cứ cải tiến công tác tuyển sinh, nhập học. Đối với ngành sức khoẻ, cần xem xét tiêu chí xét tuyển đầu vào chặt chẽ hơn.

(14) Rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan ngoài trường và cập nhật văn bản quy định về xây dựng, rà soát, cập nhật chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương học phần, lưu ý cụ thể các bước khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; hướng dẫn cụ thể các bước xây dựng phiếu khảo sát khoa học hơn, đảm bảo khả thi đối với từng chương trình đào tạo; rà soát, cập nhật mục tiêu, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng như chuẩn đầu ra của tất cả các học phần, bổ sung các chuẩn đầu ra và nội dung dạy học đáp ứng nhu cầu chuyển đổi số; cần chú ý mô tả chuẩn đầu ra súc tích, rõ ràng, có thể đo lường mức độ đạt được và phù hợp với nguồn lực cũng như định hướng phát triển của Nhà trường.

(15) Hợp nhất các quy định/hướng dẫn việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học, việc đánh giá kết quả hoạt động của người học theo chuẩn đầu ra thành một văn bản quy định/hướng dẫn chung của Nhà trường để thuận tiện cho các đơn vị tổ chức thực hiện. Rà soát, cập nhật tất cả các chương trình đào tạo và đề cương học phần theo hướng tăng cường sử dụng các phương pháp dạy học hiện đại; cần có quy định giám sát kết quả cải tiến chất lượng sau khi có tổng kết đánh giá về hoạt động giảng dạy, học tập, kiểm tra đánh giá đối với quy mô toàn trường/khoa và đối với mỗi giảng viên; tăng cường hoạt động đổi mới phương pháp dạy học như tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, kĩ năng lựa chọn và vận dụng các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, chuẩn

đầu ra của học phần.

(16) Bổ sung quy định và thực hiện việc công bố đáp án thi cho người học; rà soát, cập nhật đề cương học phần của tất cả học phần và các chương trình đào tạo, đa dạng hóa các hình thức thi kết thúc học phần đảm bảo tính phân hóa dựa trên đặc thù của từng nhóm học phần. Hướng dẫn thực hiện phân tích phổ điểm các học phần của chương trình đào tạo. Rà soát ngân hàng câu hỏi thi/đề thi để thực sự kiểm tra được đầy đủ mức độ đạt được các chuẩn đầu ra của học phần; nâng cấp phần mềm quản lí đào tạo, bổ sung chức năng phân tích kết quả kiểm tra đánh giá/phổ điểm người học, tập huấn cho giảng viên về các phương pháp kiểm tra đánh giá, cách ra đề trắc nghiệm, tự luận; hướng dẫn cụ thể về phương pháp xây dựng các tiêu chí và công cụ đánh giá tiểu luận, bài tập lớn, bài thực hành đáp ứng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra học phần.

(17) Nghiên cứu, rà soát và hoàn thiện lại các câu hỏi trong phiếu khảo sát người học về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát để đảm bảo phiếu khảo sát bao phủ được toàn diện các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và thu được ý kiến phản hồi hiệu quả hơn cho việc cải tiến; bổ sung thêm một số tiêu chí để đánh giá được năng lực về quản lý lớp, năng lực tư vấn tâm lý và hỗ trợ học tập của giáo viên chủ nhiệm/cố vấn học tập; rà soát đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học một cách khoa học.

(18) Xây dựng cơ chế, biện pháp nhằm tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học đồng đều của đội ngũ giảng viên, người học và bao phủ các loại hình nghiên cứu khoa học đã được xác lập. Giám sát chặt chẽ khối lượng, chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học đảm bảo liêm chính trong học thuật. Quy định quyền lợi và trách nhiệm của các nhóm nghiên cứu mạnh, trọng điểm; hỗ trợ các nhóm tìm kiếm các đề tài, dự án với các đối tác trong và ngoài nước, tăng cường tìm kiếm các đối tác phù hợp để có thể phối hợp triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học trong đó có các đề tài nghiên cứu khoa học, tăng cường phối hợp tổ chức các hội thảo khoa học trong thời gian tới. Thực hiện tốt việc đánh giá mức độ đạt được về số lượng và chất lượng các hoạt động nghiên cứu khoa học của Nhà trường theo tiến độ hoạch định, cũng như đánh giá chi tiết tác động của hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sự phát triển của Nhà trường và xã hội.

(19) Cử cán bộ làm công tác chuyên trách về quản lí về khoa học công nghệ đi học tập, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, tăng cường tuyên truyền phổ biến về các quy định về sở hữu trí tuệ công nhận sản phẩm khoa học công nghệ đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên của Trường. Rà soát, phát hiện và hỗ trợ các tác giả có những quyền sở hữu trí tuệ đăng kí bản quyền; đăng kí bản quyền, quyền sở hữu trí tuệ đối với các tài sản trí tuệ của Nhà trường đặc biệt là đối với các tài sản trí tuệ được chuyển giao công

nghệ. Tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về công tác quản lí tài sản trí tuệ của trường một cách đầy đủ, thường xuyên và khoa học hơn. Lập kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lí tài sản trí tuệ; Xây dựng phần mềm bản quyền/cơ sở dữ liệu quản lí sở hữu trí tuệ, tăng cường quản lí và triển khai các hoạt động sở hữu trí tuệ trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học.

(20) Rà soát, cập nhật bộ tiêu chí đánh giá các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, trong đó chú trọng về tính hiệu quả hợp tác và sự thúc đẩy nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học; xây dựng các tiêu chí lựa chọn và phân nhóm các đối tác hợp tác; chú trọng các đối tác có thế mạnh trong các lĩnh vực có liên quan của Nhà trường; thúc đẩy các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học với đối tác là các Trường/viện có thế mạnh, theo định hướng có các sản phẩm nghiên cứu khoa học là kết quả hợp tác nghiên cứu khoa học giữa các bên nhằm đáp ứng mục tiêu nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

(21) Xây dựng quy định tổng thể về chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng, hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng triển khai thực hiện cụ thể cho từng đơn vị; nên có cơ chế/quy định rõ các đơn vị trong Trường cần sơ kết đánh giá những kết quả đạt được, mức lan tỏa và ảnh hưởng của từng hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng ngay khi kết thúc từng hoạt động; đồng thời nên địnhkì tổ chức các hội thảo hoặc các chuyên đề về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng để có thể đánh giá và chia sẻ trên diện rộng hơn về hiệu quả và tác động của mỗi hoạt động phục vụ cộng đồng đối với xã hội/cộng đồng.

+ *Kết quả hoạt động*

(22) Hoàn thiện, nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu để tự động hóa quy trình đối sánh kết quả học tập cho tất cả các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học. Công tác thống kê và phân tích dữ liệu đối sánh về kết quả học tập giữa các ngành cần được thực hiện chuyên sâu. Tăng cường phân tích, đánh giá kết quả đối sánh để đề xuất các giải pháp thực chất nhằm nâng cao chất lượng việc làm cho người học sau tốt nghiệp cả trình độ đại học và sau đại học. Hoạt động khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan cần được mở rộng quy mô cho tất cả các ngành đào tạo của Trường. Triển khai đối sánh mức độ hài lòng giữa các chương trình đào tạo để có căn cứ cải tiến chất lượng đào tạo một cách toàn diện.

(23) Ban hành các chính sách thu hút và tạo động lực để giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, đặc biệt xúc tiến các đề tài cấp bộ, tỉnh, công bố quốc tế; triển khai các cơ chế hỗ trợ mạnh mẽ hơn, như tăng định mức kinh phí cho đề tài sinh viên và ưu tiên học bổng cho người học có bài báo khoa học. Khẩn trương rà soát lại cơ cấu phân bổ ngân sách hàng năm, đảm bảo tỷ lệ trích lập kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học tối thiểu đạt mức theo quy định của Nghị định 99/2014/NĐ-CP; đẩy mạnh hợp

tác với doanh nghiệp theo hình thức nghiên cứu đặt hàng nhằm tăng tỷ lệ thương mại hóa và chuyển giao các sản phẩm ứng dụng.

(24) Xây dựng bộ chỉ số đo lường tác động xã hội định lượng và đối sánh với ít nhất 1-2 trường đại học tương đồng để đánh giá khách quan vị thế hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường. Đa dạng hóa các công cụ đánh giá để đo lường thực chất sự thay đổi về nhận thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn của người học cũng như đội ngũ giảng viên, nhân viên sau khi tham gia các hoạt động cộng đồng. Trong công tác thu thập thông tin phản hồi, Nhà trường nên tập trung phân tích sâu các ý kiến đóng góp định tính hoặc các tiêu chí có điểm số thấp để tìm ra giải pháp cải tiến đột phá thay vì chỉ tập trung vào tỷ lệ hài lòng chung. Thực hiện công khai các biện pháp đã khắc phục dựa trên góp ý từ các bên liên quan của năm trước để củng cố niềm tin và sự gắn kết bền vững với cộng đồng. Kết quả đối sánh và đánh giá tác động cần được sử dụng làm căn cứ trực tiếp để rà soát, điều chỉnh kế hoạch phục vụ cộng đồng hằng năm cho phù hợp với thực tiễn.

(25) Hoàn thiện bộ chỉ số tài chính. Nâng tỉ trọng thu/chi từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đạt mức >10 % trong bảng cân đối thu chi chung của Trường; ban hành bộ chỉ số thị trường giáo dục về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Hằng năm cần đánh giá kết quả thực hiện các chỉ số thị trường giáo dục. Tăng cường các hoạt động nâng cao uy tín và thương hiệu của Trường ở trong và ngoài nước. Thực hiện tốt hơn việc lan toả thương hiệu của Trường đến với xã hội, tham gia bảng xếp hạng các trường đại học.

*  *  *

Trên đây là những nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và những giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Sau nửa chu kì kiểm định chất lượng giáo dục, vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng giáo dục gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh theo quy định./.